

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST

Ngày: 17-02-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trương Thị Ngọc .

- Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI XUÂN H (Tên gọi khác: T)**, sinh năm 1991 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố F, phường Đ, TP P - T, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Xuân H1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1967; Có vợ là Đỗ Hồng L, sinh năm 2000 và có 02 người con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo tại ngoại, đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/2025/TA-LCĐKNCT ngày 13-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1962 – Có mặt.

2/ Huỳnh Quang V, sinh năm 2004 – Đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Xuân H là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô loại Exciter, biển số 85C1-523.10, có Giấy chứng nhận đăng ký xe (GCNĐKX) mô tô, xe gắn máy, số 85007211, do Công an T2 - T, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 04/01/2023 cho Bùi Xuân H. Ngày 31/01/2023, do cần tiền chi tiêu nên H đem xe đến Chi nhánh Công ty cổ

phần F ở phường B, thành phố P - T cầm cố, vay 10.500.000 đồng nhưng Công ty chỉ giữ lại GCNĐKX, giao xe và 01 bản phô tô GCNĐKX cho H giữ. Sau đó, H sử dụng xe làm phương tiện đi lại tại TP Hồ Chí Minh và có gặp một người tên V (không rõ lai lịch) nhận làm cho H 01 GCNĐKX giả giống như GCNĐKX H đã cầm cố để đối phó với Cảnh sát giao thông khi tham gia giao thông.

Do cần tiền chữa bệnh cho con nên ngày 29/3/2023, H đem xe và bản phô tô GCNĐKX đến tiệm C (ở thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) cầm cố vay 6.000.000 đồng của ông Huỳnh Ngọc T1 (sinh năm 1962 - chủ tiệm cầm đồ). Ông T1 đã giữ lại xe và bản phô tô GCNĐKX. Sau khi vay tiền của ông T1 thì H cũng được V đưa cho 01 GCNĐKX mô tô, xe gắn máy giả: số 85007211; đề ngày cấp: 04/01/2023; nơi cấp: Công an thành phố T2 - T; cấp cho xe mô tô biển số đăng ký: 85C1-523.10; nhãn hiệu YAMAHA; số loại: EXCITER; màu sơn: Đỏ đen, tên chủ xe: Bùi Xuân H-1991; địa chỉ: K, Đ, TP P, Ninh Thuận. H trả cho V 1.300.000 đồng.

Đến ngày 12/4/2023, H vẫn còn thiếu tiền trả viện phí cho con nên mang GCNĐKX giả đến tiệm cầm đồ Ngọc T1 nói với ông T1 đây là GCNĐKX bản gốc và xin thế chấp vay thêm 12.000.000 đồng. Ông T1 tin tưởng, đồng ý cho H vay thêm 12.000.000 đồng, giữ lại GCNĐKX H nói là bản gốc. Sau đó, hàng tháng H có trả tiền lãi cho ông T1, trả tới tháng 11/2023 thì ngưng, đồng thời H hẹn ông T1 qua năm 2024 sẽ trả đủ tiền và nhận lại xe, nếu không thực hiện thì ông T1 có quyền thanh lý xe, ông T1 đồng ý.

Sang năm 2024, H vẫn chưa đến trả tiền như đã hẹn nên ngày 14/02/2024, ông T1 giao xe và GCNĐKX (giả) cho anh Huỳnh Quang V (sinh năm 2004 – con trai ông T1) sử dụng. Khi điều khiển xe lưu thông trên đường thì anh V bị lực lượng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố T2 - T kiểm tra tạm giữ xe và GCNĐKX nghi là giả.

Đến ngày 06/5/2024, hết hạn hợp đồng vay của Công ty cổ phần F, H đã thanh toán và nhận lại GCNĐKX bản gốc về giao cho ông T1 ngày 08/5/2024, rồi H và ông T1 thanh toán tiền với nhau, chốt lại H còn nợ ông T1 11.500.000 đồng, ông T1 đồng ý cho H trả dần hàng tháng.

** Tại bản Kết luận giám định số 180/KL-KTHS, ngày 20/07/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy: số 85007211; đề ngày cấp: 04/01/2023; nơi cấp: Công an thành phố T2-T; cấp cho xe mô tô biển số đăng ký: 85C1-523.10; nhãn hiệu YAMAHA; số loại: EXCITER; màu sơn: Đỏ đen, tên chủ xe: Bùi Xuân H-1991; địa chỉ: K, Đ, TP P, Ninh Thuận là giả.*

Về thu giữ, tạm giữ đồ vật; Xử lý vật chứng:

- Tạm giữ, sau đó trả lại 01 xe mô tô biển số 85C1-523.10 cho ông Huỳnh Ngọc T1. Ông T1 không có yêu cầu gì.

- Thu giữ: 01 GCNĐKX mô tô, xe gắn máy: số 85007211; đề ngày cấp: 04/01/2023; nơi cấp: Công an thành phố T2-T; cấp cho xe mô tô biển số đăng ký: 85C1-523.10; nhãn hiệu YAMAHA; số loại: EXCITER; màu sơn: Đỏ đen, tên chủ xe: Bùi Xuân H-1991; địa chỉ: KP6, Đ, TP ., Ninh Thuận. Đây là tài liệu được giám định là giả và đã lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 1.300.000 đồng của Bùi Xuân H bỏ ra mua GCNĐKX mô tô, xe gắn máy giả, hiện không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Huỳnh Ngọc T1 với Bùi Xuân H tự thỏa thuận

với nhau về việc trả nợ và không yêu cầu giải quyết.

Cáo trạng số 49/CT-VKS-NS ngày 07-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Bùi Xuân H về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên sau khi phân tích hành vi, nhân thân, mức độ phạm tội của bị cáo, giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Bùi Xuân H phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, xử phạt bị cáo H từ 03 tháng – 06 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- Đã trả lại 01 xe mô tô biển số 85C1-523.10 cho ông Huỳnh Ngọc T1. Ông T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

- Thu giữ: 01 GCNĐKX mô tô, xe gắn máy: số 85007211; đề ngày cấp: 04/01/2023; nơi cấp: Công an thành phố T2-T; cấp cho xe mô tô biển số đăng ký: 85C1-523.10; nhãn hiệu YAMAHA; số loại: EXCITER; màu sơn: Đỏ đen, tên chủ xe: Bùi Xuân H-1991; địa chỉ: K, Đ, TP P, Ninh Thuận là tài liệu giả và là vật chứng nhỏ gọn nên lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 1.300.000 đồng của Bùi Xuân H bỏ ra mua GCNĐKX giả hiện không thu giữ được nên không đề cập việc xử lý.

- Đối với việc Bùi Xuân H cầm cố chiếc xe mô tô biển số 85C1-523.10 (xe đã thế chấp trước đó cho Công ty F) và 01 GCNĐKX giả cho ông Huỳnh Ngọc T1 để vay 12.000.000 đồng là trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm này chiếc xe của H thế chấp cho ông T1 vẫn còn lại giá trị cao hơn khoản tiền vay 12.000.000 đồng và H không có ý thức chiếm đoạt tiền của ông T1 nên hành vi này của H không cấu thành tội phạm nào được quy định trong Bộ luật Hình sự, do đó không xem xét, xử lý.

Ông Huỳnh Ngọc T1 và anh Huỳnh Quang V đã có hành vi sử dụng GCNĐKX giả nhưng không biết nên không đề cập việc xử lý.

Đối với người tên V đã có hành vi làm, bán cho Bùi Xuân H GCNĐKX giả nhưng chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục kiểm tra, xác minh xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi nghe luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo biết hành vi của mình là sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xử lý về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Huỳnh Quang V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy tình tiết vụ án đã rõ, sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về xác định tội danh truy tố, xét xử đối với bị cáo:

[3.1] Qua xét hỏi công khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Bùi Xuân H đã có GCNĐKX mô tô, xe gắn máy của xe mô tô biển số 85C1-523.10, được cấp ngày 04/01/2023 nhưng do đã cầm cố vay tiền nên trong tháng 3/2024, H đặt mua 01 GCNĐKX mô tô, xe gắn máy giả của một người tên V (chưa rõ lai lịch) với giá 1.300.000 đồng, nhằm đối phó với Cảnh sát giao thông khi điều khiển xe mô tô biển số 85C1-523.10. Đến ngày 12/4/2024, H tiếp tục đưa cho ông T1 01 GCNĐKX mô tô, xe gắn máy giả và nói dối đây là GCNĐKX thật để vay 12.000.000 đồng của ông T1 và đã nhận tiền.

Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm...”

[3.2] Cáo trạng số **49/CT-VKS-NS ngày 07/10/2024** của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn truy tố bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự (Sau đây viết tắt là BLHS) là có căn cứ, đúng người, đúng tội nhưng vẫn bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 10/2024/HSST-QĐ ngày 22/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 03/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm, cụ thể: Khi H chỉ cung cấp được bản photo GCNĐKX thì số tiền H được vay chỉ có 6.000.000 đồng nhưng sau đó H cố tình sử dụng GCNĐKX giả và đưa thông tin đây là GCNĐKX thật, đây là hành vi cung cấp thông tin gian dối, nhằm tạo lòng tin để chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng được ông T1 cho vay lần 2.

Qua hành vi của H, có thể thấy: Trên cơ sở kết quả của việc sử dụng các tài

liệu giả trên, H có được các thông tin không đúng sự thật, đưa ra nhằm thuyết phục ông T1 tin đó là thật nhằm chiếm đoạt tài sản, có nghĩa là H đã thực hiện 02 hành vi và hành vi trước là tiền đề của hành vi sau. Nếu H không “sử dụng” tài liệu giả sẽ không có “thông tin không đúng sự thật” đưa ra nhằm thuyết phục ông T1 tin là thật, hay nói cách khác: Việc H sử dụng tài liệu giả không phải là thủ đoạn gian dối của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà chính là những thông tin không đúng sự thật có được sau khi sử dụng hay việc đưa ra thông tin không đúng sự thật mới là thủ đoạn gian dối của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản sau đó của H.

Tại lời khai của mình, ông T1 cũng trình bày rằng “*nếu biết giấy đăng ký xe trên của H là giả thì tôi sẽ không cho H cầm cố tài sản*” (BL75). Việc H sử dụng GCNĐKX giả, đưa ra thông tin giả để vay đã thể hiện rõ ý thức chiếm đoạt và hành vi H lừa đảo để chiếm đoạt tiền đã hoàn thành khi ông T1 đưa tiền cho H và H đã nhận tiền.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015 và còn có dấu hiệu của tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 BLHS 2015.

Tại Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019, Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn:

“- *Trường hợp người thực hiện 01 hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn.*

- *Trường hợp người thực hiện nhiều hành vi (chuỗi hành vi) một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, trong đó, hành vi trước là tiền đề, điều kiện để thực hiện hành vi sau thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội tương ứng với từng hành vi, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm...*”

Sau 02 lần trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn đề nghị xem xét hành vi của bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015 nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn không chấp nhận và vẫn bảo lưu việc truy tố bị cáo chỉ với 01 tội danh là chưa xem xét toàn diện vụ án và có dấu hiệu của bỏ lọt tội phạm khác. Tuy nhiên, căn cứ Điều 298 về giới hạn của việc xét xử, Tòa án chỉ xét xử bị cáo về tội danh “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Với những phân tích và nhận định như trên, Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn **kiến nghị** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn xem xét trong việc bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo đối với tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 BLHS năm 2015.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, bị cáo “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo biết rõ việc cấp Giấy phép lái xe phải thông qua quá trình học và tổ chức thi theo quy định nhưng vì để đối phó, xem thường quy định pháp luật, bị cáo đã có hành vi sử dụng GCNĐKX (tài liệu) giả để đối phó với cơ quan chức năng và

còn sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính nhất là khi hiện nay, tình hình làm giả giấy tờ, tài liệu, sử dụng bằng cấp, chứng chỉ,...giả diễn ra rất nhiều với thủ đoạn, hình thức hết sức tinh vi. Tuy bị cáo chỉ bị truy tố, xét xử về một tội danh nhưng hành vi của bị cáo còn có thêm dấu hiệu của tội danh khác, thể hiện sự nguy hiểm cho xã hội. Do đó, để bị cáo nhận thức nghiêm túc được hành vi của mình và để làm tốt công tác răn đe, giáo dục ý thức trong cộng đồng, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là phù hợp. Tuy nhiên, xem xét cho bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, động cơ phạm tội là để có tiền chữa trị cho con trai bị bệnh nên Hội đồng xét xử sơ thẩm sẽ cân nhắc khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”*

Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy việc áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn đối với bị cáo đã đủ sức răn đe, nghiêm khắc nên không cần thiết phải phạt tiền bổ sung là phù hợp.

[7] Về vật chứng:

- Tạm giữ, sau đó trả lại 01 xe mô tô biển số 85C1-523.10 cho ông Huỳnh Ngọc T1, đây là tài sản cầm cố trong giao dịch dân sự giữa các bên, không ảnh hưởng đến vụ án. Ông T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy: số 85007211; đề ngày cấp: 04/01/2023; nơi cấp: Công an thành phố T2-T; cấp cho xe mô tô biển số đăng ký: 85C1-523.10; nhãn hiệu YAMAHA; số loại: EXCITER; màu sơn: Đỏ đen, tên chủ xe: Bùi Xuân H-1991; địa chỉ: K, Đ, TP P, Ninh Thuận được giám định là tài liệu giả và cũng là vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, thuộc trường hợp đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 1.300.000 đồng của Bùi Xuân H bỏ ra mua GCNĐKX giả, hiện không thu giữ được nên không đề cập việc xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự giải quyết các vấn đề dân sự liên quan, không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[9] Về các hành vi liên quan:

Ông Huỳnh Ngọc T1 và anh Huỳnh Quang V đã có hành vi sử dụng GCNĐKX giả nhưng ông T1 và anh V không biết nên không đề cập việc xử lý. Đối với người tên V đã có hành vi làm, bán cho bị cáo H GCNĐKX giả nhưng vẫn chưa xác định được lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục kiểm tra, xác minh xử lý sau là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[10] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Xuân H** phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân H 06 (Sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo **Bùi Xuân H** phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17-02-2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQCSĐT CA huyện Ninh Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- PV06 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, Ấn văn hình sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thùy Dung